

Số: 674 /TM-NĐSD

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Vật tư, thiết bị Hệ thống thiết bị đo lưu lượng gió lò hơi số 1, số 2 - NMNĐ
Sơn Động

Kính gửi: Các Nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV đang có nhu cầu tìm hiểu và khảo sát giá của một số thiết bị nhằm phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV kính mời các nhà cung cấp có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá thiết bị với nội dung như sau:

1. Yêu cầu về thiết bị:

- **Chi tiết thiết bị:** Bao gồm các nội dung tên thiết bị vật tư, thông số kỹ thuật/quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phục lục đính kèm.

- **Yêu cầu về thiết bị:**

+ Các thiết bị còn mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có mã hiệu, thông số kỹ thuật rõ ràng, đầy đủ. Thiết bị được sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.

+ Nhà cung cấp đính kèm báo giá các tài liệu kỹ thuật của thiết bị, catalog của nhà sản xuất, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về thông số kỹ thuật của thiết bị để chứng minh thiết bị đề xuất đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về năng lực nhà cung cấp:

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (bản sao công chứng hoặc bản sao đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).

- Bên mời chào giá có thể chấp nhận NCC độc lập hoặc NCC liên danh miễn là đảm bảo các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và các điều kiện mời chào giá của Bên mời chào giá.

- Trước khi báo giá nhà cung cấp có thể khảo sát kích thước, thông số kỹ thuật thiết bị thực tế tại Công ty nhiệt điện Sơn Động-TKV nhằm đảm bảo thiết bị cung cấp phù hợp và đồng bộ với thiết bị sẵn có của nhà máy.

3. Các yêu cầu về thương mại:

- Báo giá phải ghi rõ tên thiết bị, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng thiết bị, tổng giá trị đơn hàng chưa có thuế và đã có thuế GTGT.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Rì - Thị trấn Tây Yên Tử - Huyện Sơn Động – Tỉnh Bắc Giang.

- Thời gian giao hàng: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.
- Hình thức thanh toán: Nhà cung cấp đề xuất hình thức thanh toán và các điều khoản thương mại kèm theo báo giá.
- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
- Hiệu lực của báo giá: ≥ 45 ngày kể từ ngày báo giá.
- Nhà cung cấp có thể báo giá toàn bộ hoặc báo giá cho một phần thiết bị thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.
- Thiết bị được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp.

4. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá/Biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trực tiếp về địa chỉ:

+ Văn phòng - Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, Tổ dân phố Đồng Rì, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

+ Điện thoại: 0204 3588 818

(Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp - người đến nộp phải mang theo giấy giới thiệu và bản sao CNMD hoặc căn CCCD còn giá trị)

Hoặc nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ Email: sondongvpct@gmail.com. (Đối với các đơn vị gửi báo giá qua mail vẫn phải hoàn thiện gửi báo giá gốc cho bên mời chào giá qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ trên).

Mọi thông tin trao đổi xin vui lòng liên hệ: Ông Nguyễn Việt Dũng - Nhân viên Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư; số điện thoại: 0988.964.629

Thời gian nhận báo giá: Không chậm hơn 16 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 03 năm 2024.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc (b/c);
- Cổng thông tin điện tử TKV, Tcty Điện lực-TKV (đăng tải);
- Lưu VT, KHĐTVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Hồng Đường

PHỤ LỤC: YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
A	Hệ thống gió sơ cấp		
1	Đo lưu lượng gió sơ cấp- môi lửa	8	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 30,000 Nm³/hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485, USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
2	Đo lưu lượng gió sơ cấp- gió hỗn hợp	8	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 30,000 Nm³/hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485, USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
3	Lưu lượng gió sơ cấp nóng	8	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 70,000 Nm³/hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485 , USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
4	Đo lưu lượng gió sơ cấp vào vòi dầu khởi động	8	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 10,000 Nm³/hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485, USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
5	Đo lưu lượng gió chèn máy cấp than định lượng	4	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 2,000 Nm³/hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485 , USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
6	Đo lưu lượng gió chèn cửa than rơi	8	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 10,000 Nm ³ /hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485 , USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
B Hệ thống gió thứ cấp			
7	Đo lưu lượng gió thứ cấp tầng trên	4	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 70,000 Nm ³ /hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485 , USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
8	Đo lưu lượng gió thứ cấp tầng dưới	4	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 70,000 Nm ³ /hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485 , USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
C Hệ thống gió cao áp			
9	Đo lưu lượng gió cao áp	16	Công nghệ đo: công nghệ phân tán nhiệt, nguyên lý cảm biến thích ứng (Adaptive Sensor Technology (AST™)) - Calib range (4...20 mA): 0 - 5,000 Nm ³ /hr - Output: 4-20mA; HART, Modbus RS485 , USB - Power: AC: 230 VAC, 50 Hz; 15m cáp tín hiệu
D Thiết bị phụ đi kèm			
1	Cáp tín hiệu (nối từ cảm biến đến bộ chuyển đổi)	1936 M	AWG
2	Gen nhựa mềm (luồn cáp tín hiệu)	500 M	D25

4-003
TỶ
ỆN
TKV
CÔNG
TKV
BẮC

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Cáp nguồn	902 M	VCmt 2x2,5 300/500V
4	Aptomat	10	2P 10A, 6kVA
5	Aptomat	10	1P 1A, 6kVA
6	Dây cáp điện đơn mềm (cáp cho bộ chuyển đổi)	200 M	1x1
7	Thanh ray cài	Vật liệu nhôm, cài aptomat	

